TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC H – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2025/DS-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tâm.

2. Ông Đặng Bình T1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025, về việc tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 192/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Sawad T.

Trụ sở chính: 128 Nguyễn D, phường TV, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật gồm:

- Ông SN, sinh năm 1966 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 99/392 Toà nhà SR, tầng M, đường CW, tiểu khu TSH, quận LS, thành phố B, Thái Lan.

- Ông KN, sinh năm 1972 - Giám đốc.

Địa chỉ: Số 928, đường LQ, phường TH, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông TK, sinh năm 1977 - Giám đốc.

Địa chỉ: Số nhà M, tổ dân phố C, ngã 3 BN, xã C, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Thạch Thị Lệ T1, sinh năm 1993. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp BN, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1976. *(vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: Ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Huỳnh Văn T2**, sinh năm 1973. *(vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: Ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần Sawad T và đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị Thạch Thị Lệ T1 trình bày:*

Ngày 29/10/2024, chị Lê Thị H và anh Huỳnh Văn T2 có cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, biển số 63B7-330.49, số khung: RLCUE1710HY143960, số máy: E3T6E212907, giấy chứng nhận đăng ký số: 018432 do Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/02/2017 cho Công ty cổ phần Sawad T (Chi nhánh Tiền Giang). Theo hợp đồng cầm cố số ATM241001030NA17X ngày 29/10/2024; số tiền cầm cố là 5.478.723,40 đồng, thời hạn cầm cố là: 12 tháng (365 ngày), kể từ ngày 29/10/2024 đến ngày 29/10/2025; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dung cá nhân và kinh doanh; phương thức nhận tiền: chuyển khoản 01 lần vào tài khoản số 109874005060 của chị H tại V.bank Chi nhánh Tiền Giang; lãi suất cầm cố: 1,1% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5% số tiền cầm cố/tháng; phí mượn xe đúng hạn: 2,5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu và trễ hạn là 5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 29/10/2024, chị H và anh T2 có thỏa thuận thuê lại chiếc xe mô tô nêu trên với giá 295.851,06 đồng/tháng; thời hạn thuê là 01 năm, từ ngày 29/10/2024 đến ngày 29/10/2025.

Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho công ty có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc cầm cố tài sản và cho thuê lại tài sản như nêu trên là đúng theo quy định pháp luật.

Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên, khách hàng đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe mô tô nêu trên và đã được công ty đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia.

Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê tài sản, chị H và anh T2 đã không thực hiện nghĩa vụ đúng trả nợ đúng theo cam kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho anh chị có thời gian thu xếp trả nợ nhưng anh chị vẫn không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 05/6/2025, chị H và anh T2 còn nợ Công ty Cổ phần SAWAD T tổng số tiền là 3.579.271,66 đồng, bao gồm:

- Tiền gốc: 3.168.568,12 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 31.566,83 đồng.
- Phí quản lý hồ sơ cố định: 14.348,56 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 8.267,93 đồng.
- Phí mượn xe: 295.851,06 đồng.
- Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 60.669,16 đồng.

Do đó, công ty yêu cầu chị H và anh T2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên và tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê xe kể từ ngày 05/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị H và anh T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần SAWAD T.

Buộc chị H và anh T2 phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù chị đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T2 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản cần được giải quyết theo quy định tại các Điều 309 và 472 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp B, xã TH, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T2 vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Bị đơn chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định tại Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh chị tự từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp. Đây cũng là những tình tiết và sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết tranh chấp.

- Xét hợp đồng cầm cố số ATM241001030NA17X ngày 29/10/2024, chị H có cầm cố cho Công ty cổ phần Sawad T (Chi nhánh Tiền Giang) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, biển số 63B7-330.49, số máy: E3T6E212907, số khung: RLCUE1710HY143960, giấy chứng nhận đăng ký số 018432 do Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/02/2017 cho chị Lê Thị H với số tiền là 5.478.723,40 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (365 ngày), kể từ ngày 29/10/2024 đến ngày 29/10/2025; thỏa thuận anh Huỳnh Văn T2 là bên bảo lãnh như phía nguyên đơn trình bày. Theo thỏa thuận tại Điều 4 về lãi suất và thời hạn thanh toán khoản cầm cố trong hợp đồng thì mức lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền và lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất cố định được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Chị H cam kết thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm tiền gốc cùng với lãi và phí trong hạn) với số tiền là 505.423,50 đồng vào ngày 29 hàng tháng, từ tháng 11/2024 đến tháng 10/2025. Hình thức thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt tại các chi nhánh hoặc thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản do phía nguyên đơn chỉ định.

Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì: *"Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự"*.

Đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật khác có liên quan quy định khác*".

Như vậy, việc hai bên thỏa thuận lãi suất như nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật.

- Đồng thời, Công ty cổ phần Sawad T (Chi nhánh Tiền Giang) có cho chị H thuê lại xe mô tô nêu trên với giá 295.851,06 đồng/tháng, thời hạn thuê tương ứng với thời hạn cầm cố bắt đầu từ ngày 29/10/2024 đến ngày 29/10/2025 theo Thỏa thuận thuê tài sản được hai bên ký kết cùng ngày 29/10/2025 và anh T2 vẫn là bên bảo lãnh. Phương thức thanh toán: Chị H phải thanh toán tiền thuê xe vào ngày 29 hàng tháng bằng tiền mặt tại các chi nhánh hoặc thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản do phía nguyên đơn chỉ định. Việc các bên thỏa thuận thuê xe mô tô khi đã cầm cố là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền của bên nhận cầm cố.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H và anh T2 chỉ thanh toán cho công ty số tiền là: 4.225.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 2.310.155,28 đồng; Tiền lãi là

291.176,41 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định là 132.352,91 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 33.975 đồng; Phí thuê xe là 1.457.340,40 đồng.

Như vậy, anh chị đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản đã ký kết nên việc Công ty cổ phần SAWAD T chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và khởi kiện yêu cầu anh chị thanh toán các khoản nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận trong 02 hợp đồng đã ký kết và phù hợp quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 468, 472, 481, 482 Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Buộc chị H và anh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần SAWAD T tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 3.579.271,66 đồng (Bao gồm: Tiền gốc là 3.168.568,12 đồng; Tiền lãi trong hạn là 31.566,83 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định là 14.348,56 đồng; Tiền lãi quá hạn là 8.267,93 đồng; Phí thuê xe là 295.851,06 đồng và phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 60.669,16 đồng.) trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/6/2025, chị H và anh T2 còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần SAWAD T tiền lãi và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp chị H và anh T2 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì tài sản cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, biển số 63B7-330.49, số máy: E3T6E212907, số khung: RLCUE1710HY143960 theo giấy chứng nhận đăng ký số 018432 do Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/02/2017 cho chị Lê Thị H được xử lý theo quy định tại các Điều 299, 303 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị H và anh T2 phải chịu T2 bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 299, 303, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 468, 472, 481, 482 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sawad T.

- Buộc chị Lê Thị H và anh Huỳnh Văn T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần SAWAD T tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 3.579.271,66 đồng (Bao gồm: Tiền gốc là 3.168.568,12 đồng; Tiền lãi trong hạn là 31.566,83 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định là 14.348,56 đồng; Tiền lãi quá hạn là 8.267,93 đồng; Phí thuê xe là 295.851,06 đồng và phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 60.669,16 đồng.) khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày 06/6/2025, chị H và anh T2 còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần SAWAD T tiền lãi và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số ATM241001030NA17X ngày 29/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp chị H và anh T2 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì tài sản cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, biển số 63B7-330.49, số máy: E3T6E212907, số khung: RLCUE1710HY143960 theo giấy chứng nhận đăng ký số 018432 do Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/02/2017 cho chị Lê Thị H sẽ được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị H và anh T2 phải chịu 300.000 đồng.

- Hoàn lại Công ty cổ phần Sawad T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014270 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực H2 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Bích Thiền